

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HATD

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HATD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HATD TRADING AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HATD TRADING AND SERVICE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110857654

3. Ngày thành lập: 10/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 4 ngõ 128 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966553916

Fax:

Email: hatdcompany@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631(Chính)
2.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4711
3.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
4.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
5.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn tổng hợp	4690
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
12.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
13.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
15.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
16.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
17.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
18.	Hoạt động thể thao khác	9319
19.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
20.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
21.	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: - Kinh doanh vận tải đường sắt – Vận tải hành khách; - Vận tải hành khách đường sắt; - Kinh doanh đường sắt đô thị – Vận tải hành khách;	4911
22.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: - Kinh doanh vận tải đường sắt – Vận tải hàng hóa; - Vận tải hàng hóa đường sắt; - Kinh doanh đường sắt đô thị - Vận tải hàng hóa; Loại trừ: - Kinh doanh tiền chất thuốc nổ - Vận chuyển tiền chất thuốc nổ bằng đường sắt; - Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bốc xếp - Vận chuyển chất phóng xạ bằng đường sắt.	4912
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác.	5210
24.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
25.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
26.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Vận tải đường ống	4940
31.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
32.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
33.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021

34.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
35.	Vận tải hành khách hàng không	5110
36.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ Loại trừ: Phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Kinh doanh dịch vụ nổ mìn	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu); - Lò sưởi, tháp làm lạnh; - Máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện; - Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí; - Thiết bị khí đốt (gas); - Bơm hơi; - Lắp đặt hệ thống ống dẫn điều hoà không khí.	4322
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

61.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế máy móc và thiết bị; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. + Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác + Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; + Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...	7110
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn tân dược; - Bán buôn dụng cụ y tế: Bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...; - Bán buôn thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4649
63.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc chữa bệnh; - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ thuốc tân dược; - Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình. - Bán lẻ thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772

6. Vốn điều lệ: 8.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 880.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH TUẤN	Thôn Tân Lập, Xã Đức Ninh, Huyện Hàm Yên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	264.000	2.640.000.000	30,000	0080960048 12	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	264.000	2.640.000.000	30,000		
2	LƯƠNG TRUNG DỪNG	Số 31C Ngõ Trạm, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	572.000	5.720.000.000	65,000	0010800375 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	572.000	5.720.000.000	65,000		

3	TRẦN VIỆT ANH	Tổ 50, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	44.000	440.000.000	5,000	001085040711
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Tổng số	44.000	440.000.000	5,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: LƯƠNG TRUNG DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/08/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080037570

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật
Tư Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: Số 31C Ngõ Trạm, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31C Ngõ Trạm, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội